



Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÚ THỌ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3425 /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Đo đạc, đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025; số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; số 193/2026/NĐ-

CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai; Thông tư số 10/2024/TT-BNNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 15/2024/TT-BTNMT ngày 20/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số nội dung quy định định mức kinh tế kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính; Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Đo đạc, đo đạc chính lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đo đạc, đo đạc chính lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đo đạc, đo đạc chính lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý

quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 769/BC-HĐTĐNCKT ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đo đạc, đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo Tờ trình số 1334/TTr-SNN&MT ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đo đạc, đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 -2030; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đo đạc, đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Đo đạc, đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030; Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Nhóm dự án: Nhóm B.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

5. Chủ đầu tư: Chi cục Quản lý đất đai, đo đạc, bản đồ và Viễn thám (*trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường*).

6. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai và Trung tâm Hạ tầng Dữ liệu không gian địa lý.

7. Mục tiêu dự án:

- Phân đầu đến hết năm 2029 hoàn thành việc đo đạc, đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Phú Thọ; xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý đất đai sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư.

- Tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở phục vụ dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, vận hành kết nối với Cổng thông tin không gian địa lý quốc gia.

8. Quy mô đầu tư:

Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ đo đạc địa chính, đo đạc chỉnh lý, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý, thành lập hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 trên toàn bộ địa bàn 148 xã, phường của tỉnh Phú Thọ, cụ thể:

TT	Hạng mục	Quy mô
1	Lưới địa chính	Khoảng 350 điểm lập mới và 39 tiếp điểm trên địa bàn 41 xã, phường
2	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính	Đo mới khoảng 115.627,03 ha (22 xã, phường) Đo lại, đo bổ sung khoảng 5.451,17 ha (49 xã, phường) Đo chỉnh lý khoảng 797.320 thửa (54 xã)
3	Kê khai phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu hiện trạng, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận	78 xã, phường Cấp mới khoảng 626.562 hồ sơ (thửa) Cấp đổi khoảng 3.122.919 hồ sơ (thửa) Tổng cộng khoảng: 3.749.481 hồ sơ (thửa)
4	Cơ sở dữ liệu địa chính	78 xã, phường (lồng ghép với đo đạc, đăng ký) khoảng 4.803.899 thửa Dữ liệu không gian đất đai nền: 146 xã, phường
5	Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	146 xã, phường; thời kỳ 2000 - 2025
6	Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	146 xã, phường; các kỳ quy hoạch, năm kế hoạch đến năm 2030
7	Cơ sở dữ liệu giá đất	Khoảng 674.405 thửa trên địa bàn 146 xã, phường

TT	Hạng mục	Quy mô
8	Thu nhận dữ liệu bằng bay quét LiDAR kết hợp chụp ảnh số	Toàn tỉnh (148 xã, phường) 604,76 giờ bay; 173 ca thiết bị
9	Xây dựng mới cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Tỷ lệ 1:2.000: 680,84 mảnh quy đổi Tỷ lệ 1:5.000: 212,46 mảnh quy đổi
10	Cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Tỷ lệ 1:2.000: 189,16 mảnh quy đổi Tỷ lệ 1:5.000: 40,80 mảnh quy đổi
11	Thành lập bản đồ địa hình quốc gia	Tỷ lệ 1:2.000: 906 mảnh Tỷ lệ 1:5.000: 264 mảnh
12	Phần mềm AILOS và bản quyền ArcGIS	1.420 trường hợp sử dụng (1.976,45 sau quy đổi) 2 ArcGIS Enterprise Advanced; 5 Professional Plus

9. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ chính:

Thực hiện theo Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT, Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT, Thông tư số 15/2024/TT-BTNMT và Quyết định số 02/2026/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh về định mức kinh tế - kỹ thuật; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và nền tảng LGSP của tỉnh; hệ thống thông tin bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 3 và sẵn sàng IPv6.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Tổng mức đầu tư: 1.561.331.000.000,0 đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2029.

- Năm 2026- 2027: hoàn thiện hồ sơ đầu tư; thống nhất chuẩn dữ liệu; lựa chọn nhà thầu; khảo sát, lập hồ sơ thiết kế theo quy định; triển khai những địa bàn và công việc đủ điều kiện, tập trung thực hiện đo đạc, kê khai, đăng ký, xây dựng dữ liệu; thu nhận LiDAR và ảnh số; xây dựng, cập nhật nền địa lý; phát triển và tích hợp AILOS.

- Năm 2028: tập trung thực hiện kê khai, đăng ký, xây dựng dữ liệu.

- Năm 2029: hoàn thiện dữ liệu, kiểm tra liên thông, đào tạo, vận hành thử, nghiệm thu và bàn giao theo tiến độ được phê duyệt.

13. Nguồn vốn: Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

- Năm 2026: 234.199.704.000 đồng;
- Năm 2027: 624.532.545.000 đồng;
- Năm 2028: 468.399.409.000 đồng;
- Năm 2029: 234.199.342.000 đồng.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị Tư vấn quản lý dự án theo quy định.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án được Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của tỉnh thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình phê duyệt tại Tờ trình số 1334/TTr-SNN&MT ngày 05 tháng 10 năm 2026).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác của nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi, số liệu, khối lượng, đơn giá, dự toán; chỉ đạo Chi cục Quản lý đất đai, đo đạc, bản đồ và Viễn thám (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện Dự án đúng mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ được phê duyệt, tuân thủ quy định về đầu tư công, đấu thầu, đất đai, đo đạc và bản đồ, chuyển đổi số;

- Lập, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán các gói thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu, giám sát, kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm theo quy định;

- Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, nền tảng LGSP của tỉnh; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; thực hiện chế độ báo cáo, giải ngân, thanh toán, quyết toán theo quy định.

2. Sở Tài chính: Tham mưu cân đối, bố trí vốn đầu tư công theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư của Dự án.

3. Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh: Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; kết nối, đối khớp dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư và đơn vị thi công trong công tác tuyên truyền, cung cấp tài liệu, xác định ranh giới,

thửa đất, kê khai, đăng ký, xét duyệt hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận; huy động hệ thống chính trị ở cơ sở tham gia thực hiện Dự án.

5. Các sở, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Chủ đầu tư để triển khai thực hiện Dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VIII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai, đo đạc bản đồ và viễn thám và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn